

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

1. Tên Công ty: Công ty CP Halcom Việt Nam
2. Mã Chứng khoán: HID
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, Tòa Nhà Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội
4. Điện thoại: 02435624709/10 Fax: 02435624711
5. Người thực hiện Công bố thông tin:
Họ và tên: Đinh Thị Hải Vinh
Chức vụ: Chuyên viên Pháp chế
6. Nội dung công bố thông tin: BCTC riêng năm tài chính 2019 kèm theo giải trình.
7. Địa chỉ website đăng tải công bố thông tin: www.halcom.vn
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu Văn thư.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Đinh Thị Hải Vinh



Số: 100.-2020/CV/HALCOM

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2020

V/v: Giải trình biến động kết quả kinh doanh trên BCTC riêng năm tài chính 2019

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần HALCOM Việt Nam xin giải trình biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2019 so với năm 2018 như sau:

1. Các số liệu biến động Báo cáo tài chính kiểm toán riêng đã kiểm toán năm 2019 so với năm 2018:

Chỉ tiêu	BC kiểm toán 2018 (VNĐ)	BC kiểm toán 2019 (VNĐ)	Số tăng/ giảm (VNĐ)
Tổng doanh thu	299.811.533.325	336.039.213.251	36.227.679.926
Giá vốn hàng bán	286.179.355.970	322.956.716.989	36.777.361.019
Doanh thu hoạt động tài chính	6.598.797.041	32.625.301.437	26.026.504.396
Chi phí tài chính	5.920.242.356	2.685.954.140	(3.234.288.216)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.089.508.335	28.402.054.171	18.312.545.836
Lợi nhuận sau thuế	2.260.067.999	11.360.964.139	9.100.896.140

2. Nguyên nhân biến động:

Lợi nhuận sau thuế của năm 2019 so với năm 2018 tăng thêm 9.1 tỷ là do:

- Doanh thu và giá vốn năm 2019 so với năm 2018 biến động tăng tương ứng nhau.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng thêm 26 tỷ, do công ty đã thoái 1 phần vốn đầu tư tại các công ty con và công ty khác với giá cao hơn giá mua ban đầu.
- Chi phí tài chính giảm do lãi suất vay ngân hàng thấp hơn và không phát sinh thêm chi phí từ hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí quản lý tăng thêm 18 tỷ do công ty tập trung nguồn lực cho công tác quản lý đầu tư để đạt hiệu quả cao trong lĩnh vực đầu tư.

Trong năm 2019, Công ty vẫn tiếp tục dồn tất cả nguồn lực cho hoạt động đầu tư xây dựng dự án dài hạn về năng lượng sạch có nhiều tiềm năng trong tương lai như: Dự án điện gió Phương Mai 3, Dự án Điện mặt trời Hậu Giang, Dự án điện rác tại Đà Nẵng, Dự án điện gió tại tỉnh Phú Yên, Dự án nước Nhơn Hội và một số dự án khác.

Các lĩnh vực khác của Công ty diễn ra bình thường, không có biến động lớn.

Trên đây là giải trình của Công ty về kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính riêng năm tài chính 2019.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Ban TCKT.

CHỦ TỊCH HĐQT

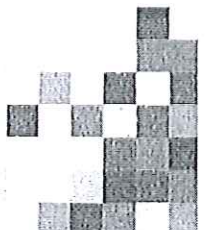


NGUYỄN QUANG HUÂN

HALCOM VIETNAM

9th Floor, Hoa Binh Tower,
No. 106 Hoang Quoc Viet Str., Hanoi, Vietnam
Tel: +84 (024) 3562 4709

www.halcom.vn



CÔNG TY CP HALCOM VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020

CÔNG TY CP HALCOM VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Chúng tôi, các thành viên Ban Điều hành Công ty CP Halcom Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020.

Ban Điều hành

Các thành viên của Ban Điều hành điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch
Ông Trần Đình Khai	Ủy viên
Ông Đoàn Ngọc Hiếu	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lâm	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Dũng	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Việt Dũng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 12/08/2019)
Ông Saurabh Mathur	Quyền Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 12/08/2019)
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 12/08/2019)

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

(tiếp theo)

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,
CÔNG TY CP HALCOM VIỆT NAM



Nguyễn Quang Huân

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2020



Số: 482 /BCTC/TC/NV8

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Ban Điều hành
Công ty CP Halcom Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Halcom Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12/06/2020, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/03/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/03/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0373-2018-126-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mai Quang Hiệp
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1320-2018-126-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2020	01/04/2019
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		107.534.169.401	108.238.672.693
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		460.557.916	1.039.395.782
1 Tiền	111	V.1.	460.557.916	1.039.395.782
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.4.	4.308.900.000	3.614.290.000
1 Chứng khoán kinh doanh	121		8.409.520.485	8.404.360.485
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(4.100.620.485)	(4.790.070.485)
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96.082.315.591	88.514.764.490
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	47.320.390.108	22.895.302.440
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	1.310.218.450	1.074.742.800
3 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	12.106.291.255	19.708.082.223
4 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	44.932.423.623	45.317.770.917
5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7.	(9.587.007.845)	(481.133.890)
IV Hàng tồn kho	140	V.8.	6.376.285.642	14.961.117.006
1 Hàng tồn kho	141		6.376.285.642	14.961.117.006
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		306.110.252	109.105.415
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9.	306.110.252	109.105.415
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		670.669.997.733	533.297.236.268
I Các khoản phải thu dài hạn	210		80.364.401.000	60.364.401.000
1 Phải thu dài hạn khác	216	V.6.	80.364.401.000	60.364.401.000
II Tài sản cố định	220		4.144.877.361	97.330.813
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.	4.144.877.361	97.330.813
- Nguyên giá	222		6.288.073.506	1.756.593.506
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.143.196.145)	(1.659.262.693)
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11.	14.298.076.078	1.700.752.943
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14.298.076.078	1.700.752.943
V Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.4.	571.034.617.097	469.337.447.547
1 Đầu tư vào công ty con	251		458.322.169.550	390.900.000.000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		67.863.207.547	67.863.207.547
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		44.009.240.000	9.734.240.000
4 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		840.000.000	840.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		828.026.197	1.797.303.965
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	828.026.197	1.797.303.965
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		778.204.167.134	641.535.908.961

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2020	01/04/2019
C NỢ PHẢI TRẢ	300		173.186.146.713	47.871.791.579
I Nợ ngắn hạn	310		173.186.146.713	47.871.791.579
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	26.125.782.722	2.405.466.108
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	4.533.248.348	3.205.913.044
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	4.120.152.256	5.195.969.697
4 Phải trả người lao động	314		1.610.077.211	84.000.000
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	1.117.449.649	2.327.347.676
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	73.440.864.168	331.477.912
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.	61.946.673.028	33.643.434.536
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		291.899.331	678.182.606
II Nợ dài hạn	330		-	-
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		605.018.020.421	593.664.117.382
I Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	605.018.020.421	593.664.117.382
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		587.650.320.000	570.542.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		587.650.320.000	570.542.980.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		536.587.297	536.587.297
3 Cổ phiếu quỹ	415		(58.859.397)	(51.798.297)
4 Quỹ đầu tư phát triển	418		2.040.795.104	2.040.795.104
5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.849.177.417	20.595.553.278
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.488.213.278	18.335.485.279
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		11.360.964.139	2.260.067.999
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		778.204.167.134	641.535.908.961

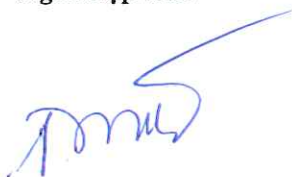
Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2020

CÔNG TY CP HALCOM VIỆT NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Tô Thị Minh

Bùi Thị Xuyên

Nguyễn Quang Huân

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	336.039.213.251	299.811.533.325
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	-	170.602
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.3.	336.039.213.251	299.811.362.723
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.4.	322.956.716.989	286.179.355.970
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		13.082.496.262	13.632.006.753
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5.	32.625.301.437	6.598.797.041
7 Chi phí tài chính	22	VI.6.	2.685.954.140	5.920.242.356
Chi phí lãi vay	23		2.372.242.414	1.891.812.356
8 Chi phí bán hàng	25		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	28.402.054.171	10.089.508.335
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		14.619.789.388	4.221.053.103
11 Thu nhập khác	31	VI.8.	3.962.242	263.677.760
12 Chi phí khác	32	VI.9.	284.297.065	1.458.976.759
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(280.334.823)	(1.195.298.999)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.339.454.565	3.025.754.104
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10.	2.978.490.426	765.686.105
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		11.360.964.139	2.260.067.999
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11.	-	-

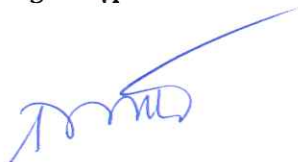
Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2020

CÔNG TY CP HALCOM VIỆT NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Tô Thị Minh

Bùi Thị Xuyên

Nguyễn Quang Huân

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.339.454.565	3.025.754.104
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư	02		483.933.452	149.949.945
- Các khoản dự phòng	03		8.416.423.955	2.534.812.867
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		723.057.400	(1.977.726)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(32.089.328.992)	(6.591.779.315)
- Chi phí lãi vay	06		2.372.242.414	1.891.812.356
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(5.754.217.206)	1.008.572.231
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(44.275.216.024)	23.388.769.343
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.584.831.364	(5.704.811.786)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		113.633.535.867	(5.396.569.403)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		772.272.931	(629.456.825)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(5.160.000)	37.099.515
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.414.942.796)	(1.849.111.974)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(765.686.104)	(2.369.955.073)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.500.000)	(10.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		69.773.918.032	8.474.536.028
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.531.480.000)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17.150.000.000)	(37.348.430.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		25.717.049.348	19.374.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(203.622.169.550)	(275.800.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		101.925.000.000	10.964.200.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		624.720.612	5.311.779.315
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(97.036.879.590)	(277.498.450.685)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	245.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		188.018.148.678	59.573.188.416
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(160.610.967.586)	(45.457.965.176)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(6.296.151.750)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		27.407.181.092	252.819.071.490
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50		144.219.534	(16.204.843.167)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.039.395.782	17.242.261.223
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(723.057.400)	1.977.726
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	460.557.916	1.039.395.782

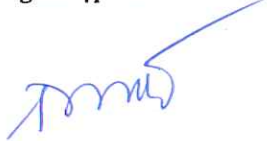
Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2020

CÔNG TY CP HALCOM VIỆT NAM

Chủ tịch HĐQT

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Tô Thị Minh

Bùi Thị Xuyên



Nguyễn Quang Huân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Halcom Việt Nam (đổi tên từ Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long, sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Phát triển hạ tầng Thăng Long, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101143879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/07/2001. Công ty được chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần cấp lần đầu ngày 02/07/2007. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 ngày 02/08/2019.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/08/2019 thì vốn điều lệ của Công ty là: **587.650.320.000 đồng** (Năm trăm tám bảy tỷ, sáu trăm năm mươi triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng Việt Nam).

Công ty chính thức giao dịch trên sàn HOSE kể từ ngày 11/07/2016 với mã HID.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và cung cấp dịch vụ tư vấn.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Buôn bán vật liệu, thiết bị trong xây dựng (thép, xi măng, bu lông, ống hộp...); Buôn bán vật tư, thiết bị cấp, thoát nước, phục vụ môi trường; Tư vấn quản lý giám sát trong xây dựng, hoạt động kiến trúc và tư vấn liên quan; Đầu tư dự án;
- Các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 20 ngày 02/08/2019./.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

+ *Danh sách các công ty con:*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty CP Phát triển đô thị Cần Thơ (1)	Ninh Kiều, Cần Thơ	Xây dựng	83,33%	100%	100%
- Công ty CP Nước Nhon Hội (2)	Phù Cát, Bình Định	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	50%	100%	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty CP Phong điện Miền Trung	Quy Nhơn, Bình Định	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	56,62%	57,35%	56,62%
- Trung tâm Đào tạo và Truyền thông Doanh nhân Việt	Đống Đa, Hà Nội	Đào tạo, truyền thông	100%	100%	100%
- Công ty CP VSED	Thanh Xuân, Hà Nội	Thẩm tra, thiết kế, tư vấn, giám sát	60%	60%	60%
- Công ty CP Điện mặt trời VKT Hòa An (3)	Phụng Hiệp, Hậu Giang	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	94%	94%	94%

(1): Công ty CP Phát triển đô thị Cần Thơ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801610432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 06/08/2018 với số vốn điều lệ: 150 tỷ đồng. Theo thỏa thuận hợp tác ngày 06/02/2018 giữa Công ty CP Halcom Việt Nam và Công ty TNHH MTV Đầu tư SCIC, hai bên hợp tác, liên doanh đầu tư xây dựng “Dự án nâng cấp, cải tạo Đường tỉnh 923 (đoạn km11+120-km25+380) trên địa bàn huyện Phong Điền, Ô Môn, thành phố Cần Thơ và thành lập doanh nghiệp dự án với tên gọi Công ty CP Phát triển đô thị Cần Thơ. Trong đó, Halcom góp 61% vốn điều lệ, SIC góp khoảng 27% vốn điều lệ, còn lại phân phối cho một số đối tác khác. Theo Quyết định số 21-2018/NQ-HĐQT ngày 31/07/2018 của Hội đồng quản trị Công ty CP Halcom Việt Nam, Công ty sẽ góp 96% vốn điều lệ tương ứng 144 tỷ đồng để thành lập Công ty CP Phát triển đô thị Cần Thơ. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/03/2020 mới chỉ có Công ty CP Halcom Việt Nam góp vốn với giá trị 125 tỷ đồng, các cá nhân và tổ chức khác chưa thực hiện việc góp vốn.

(2): Công ty CP Nước Nhơn Hội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101521292 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 07/08/2018 với số vốn điều lệ: 50 tỷ đồng. Theo Quyết định số 23-2018/NQ-HĐQT ngày 01/08/2018 của Hội đồng quản trị Công ty CP Halcom Việt Nam, Công ty sẽ góp 96% vốn điều lệ tương ứng 48 tỷ đồng để thành lập Công ty Nước Nhơn Hội. Đến thời điểm 31/03/2010 mới chỉ có Công ty CP Halcom Việt Nam góp vốn với giá trị 25 tỷ đồng, các cá nhân và tổ chức khác chưa thực hiện việc góp vốn.

(3): Công ty CP Điện mặt trời VKT Hòa An được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300305500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 20/07/2018, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 07/10/2019 với số vốn điều lệ: 139 tỷ đồng. Công ty CP Halcom Việt Nam góp vốn với giá trị 143.622.169.550 đồng, các cá nhân và tổ chức khác đã thực hiện việc góp đủ vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***+ Danh sách công ty liên kết:**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty CP Nước Thuận Thành	Thuận Thành, Bắc Ninh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	47,36%	49,37%	49,37%

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***2. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, phải thu từ cho vay và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính theo công thức sau:

Mức trích dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	=	Giá trị khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm	-	Số lượng chứng khoán doanh nghiệp đang sở hữu tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm	X	Giá chứng khoán thực tế trên thị trường
--	---	--	---	---	---	---

Đối với chứng khoán đã niêm yết (bao gồm cả cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có đảm bảo đã niêm yết): giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào chứng khoán kinh doanh được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập như sau:

- + Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- + Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại Công ty con và Công ty liên kết. Căn cứ báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của Công ty, thực hiện xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- + Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- + Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Căn cứ báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của Công ty, thực hiện xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, có kỳ hạn 7 năm, được ghi nhận từ thời điểm bắt đầu phát sinh hoạt động mua trái phiếu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên liệu chính, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung trực tiếp và chi phí sản xuất chung trực tiếp và phân bổ.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 31/03/2020, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

- Phương tiện vận tải	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là của Dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm Dịch vụ chăm sóc sức khỏe người lao động, Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước khu kinh tế Nhơn Hội, Dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 923m thuộc huyện Phong Điền và Quận Ô Môn - TP Cần Thơ và một số dự án khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

chờ phân bổ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí quảng cáo, chi phí tư vấn của BEIC và các khoản chi phí trả trước khác.

- Chi phí trả trước dài hạn là chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ với thời hạn không quá 36 tháng.
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng 36 tháng.
- Các khoản chi phí trả trước khác: Các chi phí này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 36 tháng hoặc theo thời gian quy định trên hợp đồng.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và công ty con, công ty liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả ngắn hạn là chi phí nhân công của các dự án Trung tâm Nước.

Chi phí nhân công của các công trình được ghi nhận dựa trên bảng dự toán công việc, chi phí.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được Công ty mua lại cổ phiếu do chính Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ kinh doanh, thương mại, doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác

Thu nhập khác của Công ty là các khoản thu do Công ty SKY Việt Nam hoàn trả tiền vé máy bay và các thu nhập khác được ghi nhận trên cơ sở Phiếu thu, chứng từ ngân hàng, hợp đồng kinh tế và các chứng từ kế toán có liên quan.

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng sản phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm: chi phí lãi vay, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm, lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam tại mỗi thời kỳ với mức thuế suất áp dụng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền	31/03/2020	01/04/2019
	VND	VND
Tiền mặt	281.788.031	75.911.636
Tiền gửi ngân hàng	178.769.885	963.484.146
Cộng	460.557.916	1.039.395.782

2. Phải thu khách hàng

	31/03/2020		01/04/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Bùi Kim Dung	-	-	1.280.000.000	-
Công ty CP Phong Điện Miền Trung	-	-	6.492.311.571	-
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Tân Thành An	5.487.016.455	(5.487.016.455)	5.487.016.455	-
Công ty Cổ phần ĐTC COM	5.306.746.193	-	-	-
Công ty TNHH FICHTNER Việt Nam	1.481.148.900	-	-	-
Công ty CP SHPCOM	4.324.416.604	-	-	-
Công ty CP Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	21.506.429.269	-	-	-
Công ty CP Nước Thuận Thành	1.226.396.752	-	1.524.089.479	-
Các đối tượng khác	7.988.235.935	(3.199.991.390)	8.111.884.935	(336.383.890)
Cộng	47.320.390.108	(8.687.007.845)	22.895.302.440	(336.383.890)

*b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.***3. Trả trước cho người bán**

	31/03/2020		01/04/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia	450.000.000	-	-	-
Trung tâm Phân tích và Chuyển giao công nghệ môi trường	-	-	54.750.000	(54.750.000)
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thái Sơn	-	-	90.000.000	(90.000.000)
Công ty CP Cơ điện CTH	635.800.000	-	707.900.000	-
Đối tượng khác	224.418.450	-	222.092.800	-
Cộng	1.310.218.450	-	1.074.742.800	(144.750.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***4. Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

4.1 Ngắn hạn

	31/03/2020		01/04/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<i>Chứng khoán kinh doanh</i>				
Cổ phiếu V21	8.409.520.485	4.308.900.000	(4.100.620.485)	3.614.290.000
Cộng	8.409.520.485	4.308.900.000	(4.100.620.485)	3.614.290.000

(*): Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định theo giá đóng cửa của chứng khoán V21 trên sàn giao dịch HNX tại ngày 31/03/2020.

4.2 Dài hạn

	31/03/2020		01/04/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
a) Đầu tư vào công ty con	458.322.169.550	-	458.322.169.550	390.900.000.000
Công ty CP Phát triển đô thị Cầu Thơ	125.000.000.000	-	125.000.000.000	125.000.000.000
Công ty CP Nước Nhon Hội	25.000.000.000	-	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty CP Phong điện Miền Trung	163.800.000.000	-	163.800.000.000	240.000.000.000
Trung tâm Đào tạo và Truyền thông Doanh nhân Việt	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000

CÔNG TY CP HALCOM VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Công ty CP VSED	600.000.000	-	600.000.000	600.000.000	-	600.000.000
Công ty CP Điện mặt trời VKT Hòa An	143.622.169.550	-	143.622.169.550	-	-	-
b) Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	67.863.207.547	-	67.863.207.547	67.863.207.547	-	67.863.207.547
Công ty CP Nức Thuận Thành	67.863.207.547	-	67.863.207.547	67.863.207.547	-	67.863.207.547
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	44.009.240.000	-	44.009.240.000	9.734.240.000	-	9.734.240.000
Công ty CP Công nghệ HIPT Việt Nam	2.009.240.000	-	2.009.240.000	3.934.240.000	-	3.934.240.000
Công ty CP ĐTC COM	11.000.000.000	-	11.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Hưng Thái	11.500.000.000	-	11.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển quốc tế Huy Phúc	11.800.000.000	-	11.800.000.000	800.000.000	-	800.000.000
Công ty CP Đầu tư thương mại Nguyên Hiều	5.700.000.000	-	5.700.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Công ty CP SHPCOM	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Cộng	570.194.617.097	-	570.194.617.097	468.497.447.547	-	468.497.447.547

(*) : Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định = giá gốc của khoản đầu tư - dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đã trích lập.

CÔNG TY CP HALCOM VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con trong năm:**

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1. Công ty CP Phát triển đô thị Cần Thơ	Số 178/26/7 đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, Việt Nam	100%	100%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801610432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 06/08/2018. Vốn điều lệ: 150 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Xây dựng. Hiện nay Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Công ty CP Nước Nhơn Hội	Khu kinh tế Nhơn Hội, thôn Phú Hậu, xã Cát Tiến, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, Việt Nam	100%	100%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101521292 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 07/08/2018. Vốn điều lệ: 50 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Hiện nay Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
3. Công ty CP Phong điện Miền Trung	Số 31, đường Nguyễn Công Trứ, phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	56,62%	57,35%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100656522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 13 tháng 08 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07 tháng 08 năm 2018. Vốn điều lệ: 250 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

CÔNG TY CP HALCOM VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

4. Trung tâm Đào tạo và Truyền thông Doanh nhân Việt	Căn 1007, tòa nhà 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ số A-1218 do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 14/04/2015. Tổng số vốn: 300 triệu đồng. Hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; Nghiên cứu và ứng dụng triển khai các dự án về truyền thông trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ. Tư vấn, đào tạo.
5. Công ty CP VSED	Số 94, ngõ 126, đường Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam	60%	60%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107859387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/05/2017, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 24/07/2017. Vốn điều lệ: 1 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Thẩm tra, thiết kế, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật, tư vấn giám sát thi công các dự án.
6. Công ty CP Điện mặt trời VKT Hòa An	Số 790, tỉnh lộ 927, ấp 8, xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	94%	94%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300305500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 20/07/2018, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 07/10/2019. Vốn điều lệ: 139 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

CÔNG TY CP HALCOM VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty liên kết trong năm:**

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Nước Thuận Thành	Đông Côi, Thị trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	47,36%	49,37%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300307123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 12/07/2007, đăng ký thay đổi lần 13 ngày 29/03/2019. Vốn điều lệ: 143.282.780.000 đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Dài hạn	31/03/2020		01/04/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu có kỳ hạn 7 năm	840.000.000	840.000.000	840.000.000	840.000.000
Ngân hàng TM CP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	840.000.000	840.000.000	840.000.000	840.000.000
Cộng	840.000.000	840.000.000	840.000.000	840.000.000

(*) Khoản trái phiếu nêu trên được cầm cố để bảo đảm cho Công ty CP Phong điện Miền Trung theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/135099/HĐBĐ ngày 07/01/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trái phiếu này được thực hiện tạm khóa/phong tỏa/tạm dừng thực hiện giao dịch liên quan (bao gồm nhưng không giới hạn: chuyển nhượng, cho tặng, cầm cố, thừa kế, phong tỏa) theo Thỏa thuận ba bên ngày 08/01/2019 giữa Công ty, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy và Đại lý Đăng ký lưu ký và Thanh toán - Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***5. Phải thu về cho vay**

	31/03/2020		01/04/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Công ty CP Phong Điện Miền Trung	-	-	13.276.454.444	-
Công ty CP Nước Thuận Thành (*)	12.106.291.255	-	6.431.627.779	-
Cộng	12.106.291.255	-	19.708.082.223	-

*b) Phải thu cho vay là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.**(*): Các khế ước nhận nợ với mục đích vay: bổ sung vốn lưu động của Công ty. Lãi suất áp dụng cho khoản vay: 10%/năm. Thời hạn tính lãi: 31/03 hàng năm chốt tính lãi 1 lần. Trong trường hợp tiền lãi chưa được chi trả thì sẽ tự động chuyển thành khoản vay với lãi suất như khế ước nhận nợ của món vay gốc. Khoản vay này có thể chuyển thành vốn góp.***6. Phải thu khác**

	31/03/2020		01/04/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>44.932.423.623</i>	<i>(900.000.000)</i>	<i>45.317.770.917</i>	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>44.334.238.196</i>	<i>(900.000.000)</i>	<i>44.397.638.483</i>	-
Công ty CP Hoà Long	50.026.500	-	50.026.500	-
Công ty CP Nước Hưng Long (1)	43.300.000.000	-	43.300.000.000	-
Công ty CP Thương mại dịch vụ và Đầu tư Phú Hoà	900.000.000	(900.000.000)	1.000.000.000	-
Đối tượng khác	84.211.696	-	47.611.983	-
<i>Tạm ứng</i>	<i>546.885.427</i>	-	<i>880.832.434</i>	-
Phạm Thị Minh Anh	35.000.000	-	55.000.000	-
Nguyễn Tuấn Anh	313.650.000	-	-	-
Nguyễn Hương Giang	-	-	407.980.000	-
Vũ Thị Bích Liên	25.000.000	-	60.500.000	-
Đông Trang Ngân	-	-	55.188.663	-
Phùng Ngọc Sơn	12.000.000	-	49.683.000	-
Trần Ngọc Sơn	-	-	30.000.000	-
Đối tượng khác	161.235.427	-	222.480.771	-
<i>Ký cược, ký quỹ</i>	<i>51.300.000</i>	-	<i>39.300.000</i>	-
Lê Minh Đức	21.300.000	-	21.300.000	-
Nguyễn Văn Hưng	12.000.000	-	-	-
Chi nhánh Công ty TNHH LAVIE tại Hà Nội	3.000.000	-	3.000.000	-
Công ty CP Mai Linh Đông Đô	5.000.000	-	5.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Chi nhánh Công ty CP Mai Linh tại Hà Nội	10.000.000	-	10.000.000	-
b) Dài hạn	80.364.401.000	-	60.364.401.000	-
Phải thu khác	80.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư TPP Việt Nam (2)	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty CP An Lạc Sơn (3)	20.000.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	364.401.000	-	364.401.000	-
Công ty TNHH GRAB	5.000.000	-	5.000.000	-
Công ty TNHH Hòa Bình	359.401.000	-	359.401.000	-
Cộng	125.296.824.623	(900.000.000)	105.682.171.917	-

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.**(1): Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05/2015/HĐKT ngày 10 tháng 07 năm 2015:**

- Tên Dự án và địa điểm xây dựng: Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà máy cung cấp nước sạch tại thị trấn Lương Bằng và khu vực lân cận huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

- Chủ đầu tư: Công ty CP Nước Hưng Long

- Quy mô dự án: Cung cấp nước sạch 5.500 m³/ngày đêm (nguồn nước mặt sông Hồng)

- Tổng mức đầu tư dự án: 149.547.682.000 đồng

- Thời gian hợp tác 50 năm từ tính từ tháng 5 năm 2015.

- Theo Biên bản làm việc ngày 06/02/2018 giữa Công ty và Công ty CP Nước Hưng Long, do Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên không bố trí được kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng dẫn đến không giao lại đất cho Công ty CP Nước Hưng Long để thực hiện đầu tư xây dựng dự án. Hai bên đã thống nhất không tiếp tục thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh nói trên và Công ty CP Nước Hưng Long có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ số tiền mà Công ty đã góp để thực hiện dự án trong thời gian 24 tháng.

- Theo Công văn số 68/2018/CV-HL ngày 20/11/2018 của Công ty CP Nước Hưng Long về việc cam kết hoàn trả tiền hợp tác đầu tư:

+ Đợt 1: Số tiền tối thiểu 15 tỷ, thời hạn hoàn trả trước ngày 31/12/2018

+ Đợt 2: Số tiền tối thiểu 10 tỷ, thời hạn hoàn trả trước ngày 28/02/2019

+ Đợt 3: Số tiền tối thiểu 10 tỷ, thời hạn hoàn trả trước ngày 30/03/2019

+ Đợt 4: Hoàn trả nốt số tiền còn lại, thời hạn hoàn trả trước ngày 30/09/2019.

- Theo Công văn số 76/2019/CV-HL ngày 02/10/2019, Công ty CP Nước Hưng Long đã xin gia hạn hoàn trả toàn bộ số tiền trên đến hết ngày 30/06/2020.

(2): Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 03/2015/HĐKT ngày 10/06/2015:

- Tên Dự án và địa điểm xây dựng: Dự án giao thông và xử lý nước thải theo hình thức PPP tại thành phố Cần Thơ

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long (nay là Công ty CP Halcom Việt Nam)

- Quy mô dự án:

+ Dự án Đường và cầu qua Cù lao Tân Lộc: Tổng chiều dài 4.04 km

+ Dự án đường tỉnh lộ 923: Tổng chiều dài 14.353 km

+ Dự án xây dựng nhà máy xử lý nước thải quận Ô Môn: Công suất 10.000 m³/ngày+ Dự án xây dựng nhà máy xử lý nước thải quận Thốt Nốt: Công suất 10.000 m³/ngày

- Tổng mức đầu tư dự án: 3.900.000.000.000 đồng

- Thời gian hợp tác 3 năm từ tính từ tháng 3 năm 2015

- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/03/2020: Đang tạm dừng do chờ Chính phủ ban hành quy định về việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo hình thức BT theo Công văn số 2379/SGTVT-KHTC ngày 03/12/2018 của Sở Giao thông vận tải TP. Cần Thơ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)**(3): Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HĐHT/HAL-ALS ngày 14/05/2019:**- Tên Dự án và địa điểm xây dựng: Dự án đầu tư Xây dựng Trung tâm dịch vụ chăm sóc sức khỏe người lao động tại Thôn Tân Long, Xã Hồ Sơn, Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc.**- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam**- Quy mô dự án: Cung cấp dịch vụ chăm sóc tốt nhất cho khách hàng**- Tổng mức đầu tư dự án: 200.000.000.000 đồng**- Vốn tự có: 30 tỷ đồng, vốn huy động khác: 170 tỷ đồng.**- Bên được ủy quyền hợp tác đầu tư: Công ty CP An Lạc Sơn**- Diện tích đất sử dụng: 4.020 m²**- Thời gian hợp tác 20 năm kể từ ngày Hai bên ký hợp đồng hoặc đến khi hai bên có thỏa thuận khác.**- Công ty góp vốn bằng tiền để xây dựng dự án với giá trị: 20 tỷ đồng và Công ty CP An Lạc Sơn góp: 10 tỷ đồng, tiến độ góp vốn từ tháng 5/2019 đến tháng 12/2019. Ngoài ra, giá trị tài sản dự án mà Công ty góp là: 30 tỷ đồng bao gồm toàn bộ chi phí giải phóng mặt bằng, các quyền và lợi thế sử dụng khu đất, quyền sử dụng đất, chi phí hoàn thiện toàn bộ hồ sơ pháp lý của Khu đất và dự án, tiền sử dụng đất/tiền thuê đất và phần còn lại của tiền chi phí xây dựng Dự án theo thực tế quyết toán công trình sau khi đã trừ đi khoản tiền Công ty CP An Lạc Sơn góp. Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/03/2020: Đang triển khai thi công.***7. Nợ xấu**

	31/03/2020		01/04/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi				
a) Phải thu khách hàng	8.687.007.845	-	336.383.890	-
BQL dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư Gia Minh	18.589.032	-	18.589.032	-
Ban QLDA Cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường TP. Hải Phòng	185.326.239	-	185.326.239	-
Ban Quản lý Dự án Lưới điện	48.361.364	-	48.361.364	-
BQLDA Năng lượng nông thôn II Phú Thọ	14.603.000	-	14.603.000	-
Ban QLDA Năng lượng nông thôn II Thanh Hoá	45.000.000	-	45.000.000	-
Điện Lực Vĩnh Phúc - Công ty Điện lực 1	3.904.255	-	3.904.255	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển thương mại On Home Việt Nam	2.863.607.500	-	-	-
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Tân Thành An	5.487.016.455	-	-	-
Ban Quản lý dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển bền vững TP Lào Cai	20.600.000	-	20.600.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

<i>b) Trả trước cho người bán</i>	-	-	144.750.000	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thái Sơn	-	-	90.000.000	-
Trung tâm Phân tích và Chuyển giao công nghệ môi trường	-	-	54.750.000	-
<i>c) Phải thu khác</i>	900.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và Đầu tư Phú Hòa	900.000.000	-	-	-
Cộng	9.587.007.845	-	481.133.890	-

8. Hàng tồn kho

	31/03/2020		01/04/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	6.376.285.642	-	14.961.117.006	-
Cộng	6.376.285.642	-	14.961.117.006	-

(*): bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án: Khảo sát hiện trạng, thu thập số liệu, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, đầu tư xây dựng công trình dự án "Cài tạo hệ thống xử lý thu hồi nước rửa lọc Nhà máy nước Cáo Đình"; Giám sát môi trường - xã hội thành phố Vinh; Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý cho Dự án điện gió Phương Mai 3; Dự án EOI thiết kế bản vẽ thi công 5 xã Bắc Ninh mở rộng (cấp nước); và các công trình khác

9. Chi phí trả trước

	31/03/2020	01/04/2019
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	306.110.252	109.105.415
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	52.040	-
Chi phí bảo hiểm	118.755.976	60.831.250
Chi phí sửa chữa xe	2.494.160	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	184.808.076	48.274.165
<i>b) Dài hạn</i>	828.026.197	1.797.303.965
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	159.651.620	263.668.491
Thiết kế, thi công nội thất văn phòng	309.147.326	684.776.522
Chi phí quảng cáo	15.950.000	33.350.000
Chi phí tư vấn của BEIC	291.346.551	609.179.139
Chi phí sửa chữa xe	13.429.239	49.822.346
Chi phí trả trước dài hạn khác	38.501.461	156.507.467
Cộng	1.134.136.449	1.906.409.380

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/04/2019	1.650.909.090	105.684.416	1.756.593.506
Mua trong năm	4.531.480.000	-	4.531.480.000
Số dư ngày 31/03/2020	6.182.389.090	105.684.416	6.288.073.506
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/04/2019	1.582.727.276	76.535.417	1.659.262.693
Khấu hao trong năm	463.357.700	20.575.752	483.933.452
Số dư ngày 31/03/2020	2.046.084.976	97.111.169	2.143.196.145
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/04/2019	68.181.814	29.148.999	97.330.813
Tại ngày 31/03/2020	4.136.304.114	8.573.247	4.144.877.361

*- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng: 1.558.502.597 VND.***11. Tài sản dở dang dài hạn**

31/03/2020

01/04/2019

VND

VND

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm Dịch vụ chăm sóc sức khỏe người lao động (1)	1.700.752.943	1.700.752.943
Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước khu kinh tế Nhơn Hội (2)	2.105.371.526	-
Dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 923m thuộc huyện Phong Điền và Quận Ô Môn - TP Cần Thơ (3)	6.201.058.740	-
Các dự án khác	4.290.892.869	-
Cộng	14.298.076.078	1.700.752.943

*(1): Dự án xây dựng trung tâm dịch vụ chăm sóc sức khỏe người lao động kết hợp nghiên cứu ứng dụng các phương pháp khoa học tiên tiến về cải thiện môi trường sống và chăm sóc sức khỏe cho người lao động. Tổng mức đầu tư dự án: 200.000.000.000 đồng; Diện tích đất sử dụng: 4.020 m². Dự án đang trong giai đoạn triển khai thi công xây dựng.**(2): Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước khu kinh tế Nhơn Hội, mục tiêu: đầu tư, xây dựng và kinh doanh hệ thống cấp nước ngọt với tổng công suất 100.000 m³/ngày đêm, được xây dựng theo 3 giai đoạn: giai đoạn 1 (từ năm 2018 đến năm 2020): công suất 25.000 m³/ngày đêm; giai đoạn 2 (từ năm 2020 đến năm 2025): nâng công suất thành 50.000 m³/ngày đêm và giai đoạn 3 (từ năm 2025 trở đi): nâng công suất thành 100.000 m³/ngày đêm. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm. Ngày 24/06/2019, Công ty có văn bản số 38/2019/CV-TGD/Halcom đề xuất điều chỉnh quy mô GĐ1 từ 25.000 m³ xuống 10.000 m³.*

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(3): Dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 923m thuộc huyện Phong Điền và Quận Ô Môn - TP Cần Thơ: Tổng vốn đầu tư 1.057,15 tỷ, với diện tích 33,607 ha. Vốn đầu tư của Nhà nước là 158,09 tỷ, loại hợp đồng BT, thời gian dự kiến thi công là trong 24 tháng. Tuy nhiên, dự án đang tạm dừng do chờ Chính phủ ban hành quy định về việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo hình thức BT theo Công văn số 2379/SGTVT-KHTC ngày 03/12/2018 của Sở Giao thông vận tải TP. Cần Thơ.

12. Phải trả người bán

	31/03/2020		01/04/2019	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
<i>Ngắn hạn</i>				
Công ty CP An Đạt	2.204.183.230	2.204.183.230	2.204.183.230	2.204.183.230
Công ty CP Cơ khí và Công nghiệp Áng Dương	21.374.263.078	21.374.263.078	-	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Quốc tế Huy Phúc	530.028.560	530.028.560	-	-
Nguyễn Thanh Long	1.801.710.000	1.801.710.000	-	-
Công ty CP Nước Thuận Thành	-	-	66.000.000	66.000.000
Công ty CP VSED	-	-	97.254.900	97.254.900
Các đối tượng khác	215.597.854	215.597.854	38.027.978	38.027.978
Cộng	26.125.782.722	26.125.782.722	2.405.466.108	2.405.466.108

13. Người mua trả tiền trước

	31/03/2020	01/04/2019
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
BQLDA Đầu tư XD Chương trình phát triển các đô thị loại II	1.379.763.504	-
BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị	827.879.000	827.879.000
BQLDA Đầu tư và Xây dựng các công trình giao thông Quảng Nam	241.065.000	-
Ban quản lý dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật	1.760.926.844	1.760.926.844
Công ty TNHH MTV Nước Sạch Hà Nội	-	191.632.000
BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bình Định	323.614.000	-
Công ty TNHH YACHIYO ENGINEERING	-	425.475.200
Cộng	4.533.248.348	3.205.913.044

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/04/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/03/2020
<i>Phải nộp</i>				
Thuế GTGT đầu ra (*)	4.298.693.439	1.369.702.653	4.748.201.370	920.194.722
Thuế thu nhập doanh nghiệp	616.333.921	2.978.490.426	765.686.104	2.829.138.243
Thuế thu nhập cá nhân	247.486.274	1.448.097.394	1.329.885.477	365.698.191
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	902.400	902.400	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
Thuế nhà thầu	-	20.160.526	15.039.426	5.121.100
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	33.456.063	282.593.865	316.049.928	-
Cộng		5.195.969.697	6.106.947.264	7.182.764.705
				4.120.152.256

(*) Giá trị thực nộp trong năm là 4.755.913.896 đồng, bao gồm: 885.216.908 đồng đã thực nộp bằng tiền, số còn lại: 3.862.984.462 đồng đơn vị kết chuyển sang theo dõi ở tài khoản 3388.

15. Chi phí phải trả	31/03/2020	01/04/2019
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Các dự án Trung tâm Nước	1.117.449.649	1.601.093.226
Dự án EOI Thiết kế bản vẽ thi công 5 xã Bắc Ninh mở rộng (cấp nước)	-	464.223.090
Tư vấn lập Báo cáo chính sách an toàn Môi trường & Xã hội, sửa chữa và nâng cao an toàn đập tình Vĩnh Phúc	-	156.724.340
Tư vấn các chính sách an toàn Dự án thành phần sửa chữa và nâng cao an toàn đập tình Bình Định (năm 2) (WB8)	-	62.606.638
Chi phí lãi vay	-	42.700.382
Cộng	1.117.449.649	2.327.347.676

16. Phải trả khác	31/03/2020	01/04/2019
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn	159.204.609	139.613.414
Bảo hiểm xã hội	105.251.706	15.019.562
Các khoản phải trả khác	73.176.407.853	176.844.936
Cổ tức phải trả các cổ đông	24.044.250	24.044.250
Công ty CP Điện mặt trời VKT Hòa An (1)	69.007.803.299	-
Cục Thuế TP Hà Nội (2)	3.862.984.462	-
Các đối tượng khác	281.575.842	152.800.686
Cộng	73.440.864.168	331.477.912

(1) Đây là số tiền còn phải trả cho Công ty CP Điện mặt trời VKT Hòa An khi nhận lại các khoản nợ vay từ Ông Mai Văn Đông (số tiền 5.540.355.378 đồng), Ông Nguyễn Thanh Long (số tiền 44.427.213.545 đồng) theo Hợp đồng 01/2019/HĐCNCP/VKTHA-HALCOM ngày 26/09/2019 và Công ty CP Vạn Khởi Thành (số tiền 19.040.234.376 đồng) theo Hợp đồng số 02/2019/HĐCNCP/VKT-HALCOM ngày 31/10/2019.

(2) Đây là khoản thuế giá trị gia tăng đã được Cục thuế Thành phố Hà Nội chấp nhận không tính tiền chậm nộp theo các Công văn số 64218/CT-QLN ngày 12/10/2016, Công văn số 65999/TB-CT-QLN ngày 21/08/2019, Công văn số 69598/TB-CT-QLN ngày 05/09/2019 và Biên bản làm việc ngày 13/03/2020 với Cục thuế Hà Nội. Khoản thuế này sẽ được Công ty thực hiện nghĩa vụ nộp vào Ngân sách Nhà nước ngay sau khi Công ty nhận được khoản thanh toán từ các đơn vị sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước (BQL dự án đầu tư xây dựng Tỉnh Lạng Sơn, BQL dự án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội TP. Việt Trì và BQL dự án đầu tư xây dựng TP. Hưng Yên).

b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CP HALCOM VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính

	31/03/2020		Trong năm		01/04/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (1)	23.673.398.628	23.673.398.628	63.587.821.343	61.670.427.588	21.756.004.873	21.756.004.873
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (2)	3.000.000.000	3.000.000.000	9.987.931.613	8.987.931.613	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TM CP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	-	-	10.419.178.722	20.306.608.385	9.887.429.663	9.887.429.663
Asia Investment development and Construction Sole Co., Ltd (3)	-	-	69.717.000.000	69.717.000.000	-	-
Asia Energy and Utilities Holding (Singapore) PTE. Limited (4)	35.273.274.400	35.273.274.400	35.273.274.400	-	-	-
Cộng	61.946.673.028	61.946.673.028	188.985.206.078	160.681.967.586	33.643.434.536	33.643.434.536

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/135099/HĐTD ngày 21/11/2018 hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là: 40 tỷ gồm cả đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Mục đích sử dụng vốn là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất cho vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

(2) - Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1267/2018/HĐTD/MDH/01 ngày 19/10/2018 với Giá trị hạn mức tín dụng 3,5 tỷ. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất định quy định cụ thể theo từng văn bản nhận nợ.

- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 713/2019/HĐTD/MDH/01 ngày 20/11/2019 với hạn mức tín dụng 4,5 tỷ. Trong đó: hạn mức cho vay là 3 tỷ, hạn mức bảo lãnh là 4,5 tỷ và thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng là từ ngày 20/11/2019 đến ngày 20/11/2020. Lãi suất linh hoạt: được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ.

(3) Hợp đồng vay ngày 30.08.2019 với giá trị 2 triệu USD, kỳ hạn vay 3 tháng. Không lãi suất.

(4) Hợp đồng vay ngày 04.02.2020 với giá trị 1.490.840 USD, thời hạn vay: từ ngày nhận được khoản vay đến ngày 04/08/2020. Khoản vay không chịu lãi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***18. Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/04/2018	325.542.980.000	636.587.297	(51.798.297)	1.772.744.960	19.138.966.467	347.039.480.427
- Tăng vốn trong năm trước	245.000.000.000	-	-	-	-	245.000.000.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	2.260.067.999	2.260.067.999
- Tăng khác	-	-	-	-	669.244	669.244
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	268.050.144	(804.150.432)	(536.100.288)
- Giảm khác	-	(100.000.000)	-	-	-	(100.000.000)
Số dư tại ngày 01/04/2019	570.542.980.000	536.587.297	(51.798.297)	2.040.795.104	20.595.553.278	593.664.117.382
- Tăng vốn trong năm nay	17.107.340.000	-	(7.061.100)	-	-	17.100.278.900
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	11.360.964.139	11.360.964.139
- Giảm khác	-	-	-	-	(17.107.340.000)	(17.107.340.000)
Số dư tại ngày 31/03/2020	587.650.320.000	536.587.297	(58.859.397)	2.040.795.104	14.849.177.417	605.018.020.421

() Trong năm, Công ty thực hiện tăng vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm trước theo Nghị quyết số 15-2019/NQ-HĐQT/HALCOM ngày 17/07/2019.***18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/03/2020	01/04/2019
	VND	VND
Ông Nguyễn Quang Huân	203.848.720.000	157.911.380.000
Vốn của các đối tượng khác	383.801.600.000	412.631.600.000
Cộng	587.650.320.000	570.542.980.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***18.3 Các khoản giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>		
Vốn góp đầu năm	570.542.980.000	325.542.980.000
Vốn góp tăng trong năm	17.107.340.000	245.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	587.650.320.000	570.542.980.000
<i>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</i>	-	-

18.4 Cổ phiếu

	31/03/2020	01/04/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	58.765.032	57.054.298
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	58.765.032	57.054.298
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	58.765.032	57.054.298
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	8.711	5.641
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.711	5.641
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	58.756.321	57.048.657
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	58.756.321	57.048.657

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

18.5 Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 2,5%

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

18.6 Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/04/2019	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/03/2020
Quỹ đầu tư phát triển	2.040.795.104	-	-	2.040.795.104
Cộng	2.040.795.104	-	-	2.040.795.104

(* Mục đích trích lập quỹ:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty. Công ty không trích lập bổ sung quỹ này trong năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	31/03/2020	01/04/2019
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
Tiền USD	721,99	567,88
Tiền EUR	294,59	305,51

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
<i>a) Doanh thu</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	321.119.081.783	288.914.516.012
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế và giám sát	14.920.131.468	10.897.017.313
Cộng	336.039.213.251	299.811.533.325

*b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.***2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	-	170.602
Cộng	-	170.602

3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa	321.119.081.783	288.914.345.410
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế và giám sát	14.920.131.468	10.897.017.313
Cộng	336.039.213.251	299.811.362.723

4. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	311.581.938.221	279.722.865.997
Giá vốn cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế và giám sát	11.374.778.768	7.422.260.591
Dự phòng/Hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	-	(965.770.618)
Cộng	322.956.716.989	286.179.355.970

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	1.589.978.992	4.277.831.315
Lãi thanh lý khoản đầu tư	30.499.350.000	2.313.948.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	466.987.264	1.977.726
Doanh thu tài chính khác	68.985.181	5.040.000
Cộng	32.625.301.437	6.598.797.041

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

6. Chi phí tài chính	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.372.242.414	1.891.812.356
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	13.179.515
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(689.450.000)	4.015.250.485
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	280.104.326	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	723.057.400	-
Cộng	2.685.954.140	5.920.242.356
7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	8.982.655.970	4.235.864.514
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.606.041.586	937.673.158
Chi phí khấu hao TSCĐ	483.950.695	149.949.945
Thuế, phí và lệ phí	17.724.195	72.672.971
Chi phí dự phòng	9.105.873.955	(514.667.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.417.490.765	4.273.402.587
Chi phí bằng tiền khác	788.317.005	934.612.160
Cộng	28.402.054.171	10.089.508.335
8. Thu nhập khác	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu thanh lý trang thiết bị, công cụ dụng cụ tại VP dự án Cần Thơ	-	8.918.182
BQLDA nguồn vốn ODA hoàn trả tiền thuế TNDN do chuyển thừa	-	9.440.810
Chiết khấu thuê văn phòng	-	54.454.711
Thu nhập khác	3.962.242	190.864.057
Cộng	3.962.242	263.677.760
9. Chi phí khác	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chênh lệch đánh giá tăng được hưởng khi nhận lại dự án Tam Đảo	-	801.051.857
Các khoản hành chính thuế	282.649.965	636.654.144
Các chi phí khác	1.647.100	21.270.758
Cộng	284.297.065	1.458.976.759
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng thu nhập phát sinh trong kỳ	368.668.476.930	306.673.837.524
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	368.668.476.930	306.671.859.798
Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.977.726
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	354.329.022.365	303.648.083.420

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	353.776.024.800	302.843.429.276
Chi phí không được trừ khi thuế thu nhập doanh nghiệp	552.997.565	804.654.144
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	14.892.452.130	3.828.430.522
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	2.978.490.426	765.686.105
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019	2.978.490.426	765.686.105

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	20.018.620.542	14.144.590.615
Chi phí khấu hao tài sản cố định	483.950.695	149.949.945
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.738.129.733	7.673.185.952
Chi phí khác	10.821.154.947	1.248.854.200
Cộng	42.061.855.917	23.216.580.712

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm:		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	188.018.148.678	59.573.188.416
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	160.610.967.586	45.457.965.176
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:		
- Chuyển nợ thành vốn góp vào Công ty CP Phong Điện Miền Trung	-	100.000.000.000
- Tăng vốn góp chủ sở hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17.107.340.000	-
- Phân loại lại khoản đầu tư vào Trung tâm Đào tạo và Truyền thông Doanh nhân Việt	-	300.000.000
- Khoản lãi cho Công ty CP Phong Điện Miền Trung vay nhập gốc	587.594.904	-
- Khoản lãi cho Công ty CP Nước Thuận Thành vay nhập gốc	377.663.476	-
- Đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ của Công ty TNHH Asia Investment Development and Construction Sole - lãi chênh lệch tỷ giá	967.057.400	-
- Đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ của Công ty TNHH Asia Investment Development and Construction Sole - lãi chênh lệch tỷ giá	71.000.000	-

VIII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, ngoài sự kiện nêu trên, xét trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Công ty CP Phát triển đô thị Cần Thơ

Công ty con

Công ty CP Nước Nhơn Hội

Công ty con

Công ty CP Phong điện Miền Trung

Công ty con

Trung tâm Đào tạo và Truyền thông Doanh nhân Việt

Công ty con

Công ty CP VSED

Công ty con

Công ty CP Điện mặt trời VKT Hòa An

Công ty con

Công ty CP Nước Thuận Thành

Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
2.1 Mua hàng	738.635.455	1.265.784.637
Công ty CP VSED	738.635.455	873.057.364
Công ty CP Nước Thuận Thành	-	360.000.000
Trung tâm đào tạo và truyền thông Doanh nhân Việt	-	32.727.273
2.2 Bán hàng	7.988.865.456	6.594.932.731
Công ty CP VSED	111.818.182	98.181.818
Công ty CP Nước Thuận Thành	-	1.042.205.457
Công ty CP Phong điện Miền Trung	7.877.047.274	5.454.545.456
2.3 Doanh thu tài chính	1.512.944.655	3.889.336.015
Công ty CP Phong điện Miền Trung	286.547.903	3.889.336.015
Công ty CP Nước Thuận Thành	1.226.396.752	-
2.4 Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lương và các khoản phụ cấp	6.303.295.457	1.801.689.356
2.5 Số dư với các bên liên quan	31/03/2020	01/04/2019
	VND	VND
Các khoản phải thu	13.517.543.607	27.801.801.273
Phải thu khách hàng	1.349.396.752	8.070.401.050
Công ty CP Phong điện Miền Trung	-	6.492.311.571
Công ty CP Nước Thuận Thành	1.226.396.752	1.524.089.479
Công ty CP VSED	123.000.000	54.000.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

<i>Trả trước cho người bán</i>	31.537.600	-
Công ty CP VSED	31.537.600	-
<i>Phải thu khác</i>	30.318.000	23.318.000
Công ty CP Phát triển đô thị Cần Thơ	15.149.000	11.149.000
Công ty CP Nước Nhơn Hội	15.169.000	12.169.000
<i>Phải thu về cho vay</i>	12.106.291.255	19.708.082.223
Công ty CP Phong Điện Miền Trung	-	13.276.454.444
Công ty CP Nước Thuận Thành	12.106.291.255	6.431.627.779
<i>Các khoản phải trả</i>	69.074.596.606	231.048.207
<i>Phải trả nhà cung cấp</i>	-	163.254.900
Công ty CP Nước Thuận Thành	-	66.000.000
Công ty CP VSED	-	97.254.900
<i>Phải trả khác</i>	69.074.596.606	67.793.307
Trung tâm Đào tạo và Truyền thông Doanh nhân Việt	66.793.307	67.793.307
Công ty CP Điện mặt trời VKT Hòa An	69.007.803.299	-

3. Công cụ tài chính*Quản lý rủi ro vốn*

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu (các cổ đông) thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Công nợ tài chính

	31/03/2020	01/04/2019
	VND	VND
Các khoản vay	61.946.673.028	33.643.434.536
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	460.557.916	1.039.395.782
Nợ thuần	61.486.115.112	32.604.038.754
Vốn chủ sở hữu	605.018.020.421	593.664.117.382
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	10%	5%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV - Các chính sách kế toán áp dụng của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/03/2020	01/04/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	460.557.916	1.039.395.782
Phải thu khách hàng và phải thu khác	163.030.206.886	128.096.340.467
Các khoản cho vay	12.106.291.255	19.708.082.223

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Các khoản đầu tư tài chính	4.308.900.000	3.614.290.000
Cộng	179.905.956.057	152.458.108.472
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	61.946.673.028	33.643.434.536
Phải trả người bán và phải trả khác	99.566.646.890	2.736.944.020
Chi phí phải trả	1.117.449.649	2.327.347.676
Cộng	162.630.769.567	38.707.726.232

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Cộng
31/03/2020	VND	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.308.900.000	-	4.308.900.000
01/04/2019	VND	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.614.290.000	-	3.614.290.000

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

31/03/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	460.557.916	-	460.557.916
Phải thu khách hàng, phải thu khác	82.665.805.886	80.364.401.000	163.030.206.886
Các khoản cho vay	12.106.291.255	-	12.106.291.255
01/04/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.039.395.782	-	1.039.395.782
Phải thu khách hàng, phải thu khác	67.731.939.467	60.364.401.000	128.096.340.467
Các khoản cho vay	19.708.082.223	-	19.708.082.223

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/03/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	99.566.646.890	-	99.566.646.890
Chi phí phải trả	1.117.449.649	-	1.117.449.649
Các khoản vay	61.946.673.028	-	61.946.673.028
01/04/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	2.736.944.020	-	2.736.944.020
Chi phí phải trả	2.327.347.676	-	2.327.347.676
Các khoản vay	33.643.434.536	-	33.643.434.536

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***4. Báo cáo bộ phận***Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh*

Công ty hoạt động trong lĩnh vực: kinh doanh thương mại và cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế và giám sát. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/03/2020

Tài sản	Kinh doanh, thương mại	Cung cấp dịch vụ	Đơn vị tính: VND
Tài sản bộ phận	39.488.216.021	15.518.678.179	55.006.894.200
Tài sản không phân bổ			723.197.272.934
Tổng tài sản			778.204.167.134
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	23.578.488.948	7.080.542.122	30.659.031.070
Nợ phải trả không phân bổ			142.527.115.643
Tổng nợ phải trả	23.578.488.948	7.080.542.122	173.186.146.713

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/03/2019

Tài sản	Kinh doanh, thương mại	Cung cấp dịch vụ	Cộng
Tài sản bộ phận	9.904.713.434	27.640.209.812	37.544.923.246
Tài sản không phân bổ			603.990.985.715
Tổng tài sản	9.904.713.434	27.640.209.812	641.535.908.961
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	2.204.183.230	5.610.035.238	7.814.218.468
Nợ phải trả không phân bổ			40.057.573.111
Tổng nợ phải trả	2.204.183.230	5.610.035.238	47.871.791.579

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020

Doanh thu thuần	Kinh doanh, thương mại	Cung cấp dịch vụ	Cộng
Doanh thu thuần	321.119.081.783	14.920.131.468	336.039.213.251
Giá vốn hàng bán	311.581.938.221	11.374.778.768	322.956.716.989
Lãi gộp	9.537.143.562	3.545.352.700	13.082.496.262

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

Doanh thu thuần	Kinh doanh, thương mại	Cung cấp dịch vụ	Cộng
Doanh thu thuần	288.914.345.410	10.897.017.313	299.811.362.723
Giá vốn hàng bán	279.722.865.997	6.456.489.973	286.179.355.970
Lãi gộp	9.191.479.413	4.440.527.340	13.632.006.753

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2020
CÔNG TY CP HALCOM VIỆT NAM

Người lập biểu

Tô Thị Minh

Kế toán trưởng

Bùi Thị Xuyên

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Quang Huân